

Bản án số: 30/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 18/9/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thuỷ- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Mỹ L, sinh ngày 08/01/1997; Căn cước công dân số: 001197019195; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số I, ngách E, ngõ E, đường T, phường T, thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/6/1994; Căn cước công dân số: 030094003413; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Mỹ L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 20/12/2023. Sau khi kết hôn, anh chị chung

sống tại khu dân cư P, phường H, thành phố C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đôi lúc anh T có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của chị. Đồng thời, mẹ chồng chị luôn can thiệp vào cuộc sống của hai vợ chồng. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại Hà Nội, anh T dọn đồ đạc của con mang lên đưa cho chị và tiếp tục có những lời lẽ chỉ trích với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 18/10/2024. Hiện nay, cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu N. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, chị là công chức tại Ủy ban nhân dân phường T. Thu nhập của chị là 8.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính. Hiện nay, chị và con đang sống cùng bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ chị có nhà ở rộng rãi, đủ chỗ cho chị và con ở. Nếu chị được nuôi cháu N thì bố mẹ đẻ chị hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Sau đó, chị L thay đổi lời khai, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn anh trình bày như chị L trình bày nêu trên. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị L vì anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Khoảng đầu tháng 7/2025, anh có chở chị L và con về nhà bố mẹ đẻ chị L chơi nhưng sau đó chị L và con không quay lại chung sống với anh nữa. Anh không biết lý do vì sao chị L lại như vậy. Trong thời gian sống ly thân, anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị L nói chuyện và tác động đến chị L để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết không về chung sống với anh. Vợ chồng cũng không còn quan tâm đến nhau như trước mà chỉ liên lạc để hỏi thăm con. Đến nay, anh xác định anh không còn biện pháp nào để níu kéo chị L. Anh đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung như chị L trình bày. Hiện nay, cháu N đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu N, anh đồng ý. Anh không cấp dưỡng nuôi con với chị L vì thu nhập của anh chỉ đủ cho bản thân, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Nguyễn Thị Bích T1 - là mẹ đẻ chị L trình bày:* Quá trình chung sống chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có việc làm và thu nhập ổn định. Mẹ đẻ anh T can thiệp sâu vào cuộc sống của anh chị, muốn quản lý tất cả. Anh T và mẹ đẻ anh T có những lời lẽ thiếu tôn trọng chị L. Chị L đã đưa con về ở tại gia đình bà từ tháng 6/2025, anh chị ly thân

nhau từ đó. Trong thời gian ly thân anh T2 không núu kéo mà còn mang toàn bộ đồ đạc của con lên nhà bà và có lời lẽ xúc phạm chị L.

*** Bà Phùng Thị H - là mẹ đẻ anh T trình bày:** Quá trình chung sống anh T2 và chị L không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng đầu tháng 7/2025, chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ chơi sau đó anh T lên đón về thì bà không thấy chị L về. Sau đó chị L có nhắn tin cho bà là do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L ở tại nhà mẹ đẻ một thời gian nhưng từ đó chị L không về nữa.

*** Tổ trưởng tổ dân phố P, phường T, TP . cung cấp:** Sau khi kết hôn, chị L chung sống cùng gia đình nhà chồng tại địa phương. Quá trình chung sống chị L và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể bà không nắm rõ nhưng bà có thấy anh T không có việc làm ổn định, gia đình anh T hà khắc với con dâu. Chị L và anh T hiện đã ly thân nhau, chị L không còn chung sống với anh T.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Đỗ Mỹ L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 18/10/2024 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Mỹ L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 -

Hải Phòng theo quy định tại Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Mỹ L và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị L vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngoài ra có sự can thiệp của mẹ chồng chị. Anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn và không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của chị L, lời khai người làm chứng xác định anh chị đã có mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Chị L và anh T đã ly thân nhau từ đầu tháng 7/2025 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T và chị L không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T cũng không còn biện pháp nào để níu kéo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xử cho chị được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 18/10/2024. Hiện nay, cháu N đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T đồng ý giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy chị L có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu N cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ không: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 18/10/2024 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001721 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Báo nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- UBND phường T, TP. Hải Phòng (Để ghi vào sổ hộ tịch).
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyết